

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2026

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quân và ông Nguyễn Minh Tâm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố T, phường V, Thành phố H; *có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.*

- ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Hoàng Xuân C**, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: Khu phố T, phường V, Thành phố H; địa chỉ tạm trú: Nhà nguyên căn bà Phạm Thị M, Khu tái định cư - Tổ 4, khu phố 7, xã P, Thành phố H; *vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:***

Bà Lê Thị X và ông Nguyễn Hoàng Xuân C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2011, ngày 11/11/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh B1. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc. Đến năm 2023, ông C bỏ ra ngoài, không còn chung sống với bà X, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Xuân C.

- Về con chung: Bà X và ông C có 01 con chung là **Nguyễn Hoàng Ngọc A**, sinh ngày 10/3/2013. Hiện nay con đang sống ổn định với bà X. Sau khi ly hôn, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

* *Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Xuân C*: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ nội dung khởi kiện nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị X và ông Nguyễn Hoàng Xuân C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 10/3/2013 cho bà Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị X, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Xuân C cư trú tại địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án đang thụ lý vụ án, nên căn cứ các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ nội dung khởi kiện nhưng không tham gia hòa giải, không tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X và ông Nguyễn Hoàng Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P1, tỉnh B ngày 15/6/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình; đến năm 2023 bỏ đi khỏi địa phương, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Đặc biệt, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hoàng Xuân C đã được Tòa án thông báo hợp lệ, biết rõ việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng không tham gia hòa giải, không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại phiên tòa. Hành vi này thể hiện bị đơn không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân, không mong muốn đoàn tụ, từ đó có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự phát sinh, kéo dài và không thể khắc phục.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 10/3/2013. Hiện con đang do bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên nên giao con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Xuân C; giao con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn bà Lê Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Xuân C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Xuân C.

3. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 10/3/2013 cho bà Lê Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Hoàng Xuân C không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu. Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hoàng Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ theo quy định pháp luật, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012145, ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Về thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 19;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý

